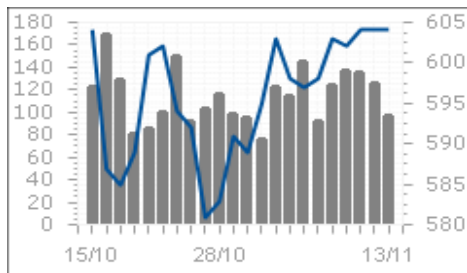


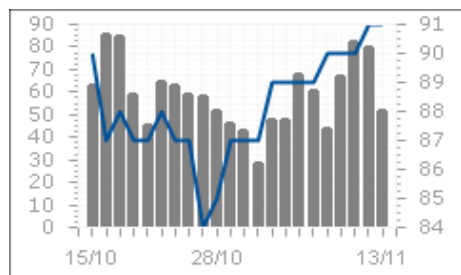
HOSE 13/11/2014

VNINDEX	603.16	-0.85	-0.14%
KLGD	157,537,646	CP	
GTGD	2,489.92	Tỷ	
GTR NDTNN	-	108.91	Tỷ
CP Tăng giá	105	CP	
CP Giảm giá	110	CP	
CP Đứng giá	89	CP	



HNX 13/11/2014

HNXINDEX	91.49	0.36	0.39%
KLGD	76,926,769	CP	
GTGD	1,150.67	Tỷ	
GTR NDTNN	14.48	Tỷ	
CP Tăng giá	111	CP	
CP Giảm giá	76	CP	
CP Đứng giá	192	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	638.87	-3.02	-0.47%
HNX30	186.02	0.10	0.05%

Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu đầu cơ tiếp tục thu hút dòng tiền, chỉ số 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục gia tăng là yếu tố tích cực**
NĐT Nước ngoài bán ròng trên HOSE và mua ròng trên HNX
- ▶ **Chính phủ Nhật Bản viện trợ không hoàn lại 5 dự án tại Việt Nam**
Theo hợp đồng giữa Nhật Bản và Việt Nam thì tổng viện trợ là 500.975 USD
TTXVN
- ▶ **VAMC sẽ mua nợ xấu theo giá thị trường vào cuối năm nay**
VAMC dự kiến sẽ sử dụng phương pháp định giá riêng thay thế giá trị sổ sách
Bloomberg
- ▶ **Ngân hàng trung ương Anh có thể giữ lãi suất thấp đến cuối năm 2015**
BoE vừa tỏ dấu hiệu cho thấy sẽ giữ nguyên lãi suất thấp 0,5%.
Gafin
- ▶ **Tăng trưởng tín dụng của một số ngân hàng vẫn âm**
Đến cuối tháng 9/2014, một số ngân hàng vẫn tăng trưởng tín dụng âm
DVO
- ▶ **ITA lãi lũy kế 9 tháng 99,53 tỷ đồng, hoàn thành 92,6% kế hoạch năm**
Lợi nhuận sau thuế quý III/2014 tăng 3.5 lần so với cùng kỳ
DVO

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,085,018	14.8	3.0	19.2%	10.2%
HNX	150,511	15.2	1.9	8.7%	4.3%
Toàn bộ thị trường	1,235,529	15.4	3.2	19.6%	9.9%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,125	6.8	0.9	13.0%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	20,372	9.1	1.5	15.9%	10.5%
Khai khoáng	39,561	14.5	2.1	21.9%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,725	94.1	6.1	-3.9%	-3.2%
Xây dựng	25,449	14.2	1.5	13.6%	7.6%
Máy công nghiệp	33,772	62.0	1.3	-2.4%	1.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,704	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,378	9.1	1.6	18.4%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,751	11.3	2.9	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,195	13.1	2.1	19.2%	6.4%
Dược phẩm	196,273	24.6	4.7	19.0%	14.6%
Phần mềm	15,928	11.5	2.9	22.6%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	17,666	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,531	9.9	1.5	16.0%	7.5%
Bảo hiểm nhân thọ	207,706	17.0	5.5	32.5%	22.0%
Môi giới chứng khoán	26,402	21.6	2.3	10.2%	2.1%
Ngân hàng	30,180	13.4	1.8	10.8%	7.7%
Bất động sản	238,836	11.3	1.2	10.5%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	186,938	17.1	3.3	22.7%	5.5%
	49,742	11.3	2.4	21.7%	9.2%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Chính phủ Nhật Bản viện trợ không hoàn lại 5 dự án tại Việt Nam

VAMC sẽ mua nợ xấu theo giá thị trường vào cuối năm nay

Ngân hàng trung ương Anh có thể giữ lãi suất thấp đến cuối năm 2015

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Tăng trưởng tín dụng của một số ngân hàng vẫn âm

ITA lãi lũy kế 9 tháng 99,53 tỷ đồng, hoàn thành 92,6% kế hoạch năm

FLC lãi đột biến quý III/2014 nhờ thu hồi vốn tài chính

► Tin kinh tế

Ngày 12/11, tại Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội đã diễn ra Lễ ký hợp đồng viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản cho năm dự án tại Việt Nam, với tổng số tiền viện trợ là 500.975 USD. Đại sứ Nhật Bản Hiroshi Fukada cho biết cùng với các dự án viện trợ quy mô lớn cho cơ sở hạ tầng như cầu, đường, sân bay, Chính phủ Nhật Bản rất chú trọng hỗ trợ trực tiếp những đối tượng khó khăn thông qua các dự án viện trợ không hoàn lại quy mô nhỏ trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế... Đại sứ bày tỏ các dự án đã ký kết này sẽ củng cố hơn nữa mối liên kết chặt chẽ giữa nhân dân hai nước Nhật Bản và Việt Nam.

Theo Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chủ tịch VAMC thì VAMC dự kiến sẽ sử dụng phương pháp định giá riêng thay thế giá trị sổ sách để mua nợ xấu từ các ngân hàng vào cuối năm nay nhằm thúc đẩy hệ thống tài chính và phục hồi lại hoạt động cho vay. Hiện VAMC đang thẩm định các khoản nợ từ 100 đến 200 tỷ đồng, theo đó sẽ xác định giá dựa trên việc đánh giá các tài sản thế chấp. VAMC sẽ bắt đầu mua theo phương pháp giá thị trường vào cuối năm nay và chuyển hoàn toàn mô hình này vào năm 2016. VAMC đã mua được khoảng 97,000 tỷ đồng nợ xấu, mục tiêu sẽ mua tổng 200,000 tỷ đồng và bán ra 4000 tỷ đồng đến cuối 2014. VAMC đặt mục tiêu là bán ít nhất gấp đôi khối lượng trong năm tới nhằm đáp ứng mục tiêu của Chính phủ là cắt giảm nợ xấu xuống còn 3%.

Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) vừa tỏ dấu hiệu cho thấy sẽ giữ nguyên lãi suất thấp 0,5%. Báo cáo của BoE dự kiến rằng lãi suất sẽ không tăng cho đến tháng 10/2015 và kể cả đến khi tăng cũng sẽ ở ngưỡng dưới 1% trong một thời gian. Thống đốc BoE Mark Carney cho rằng nền kinh tế Vương quốc Anh có thể tiếp tục phát triển mạnh vì lương bắt đầu tăng nhanh hơn so với lạm phát, kéo theo chi tiêu hộ gia đình và đầu tư kinh doanh sẽ tăng lên nhanh chóng. Theo ông Carney, cách quan trọng nhất để nền kinh tế Anh có thể chống đỡ được với triển vọng mờ nhạt của kinh tế toàn cầu là duy trì lãi suất thấp lâu hơn.

► Tin doanh nghiệp

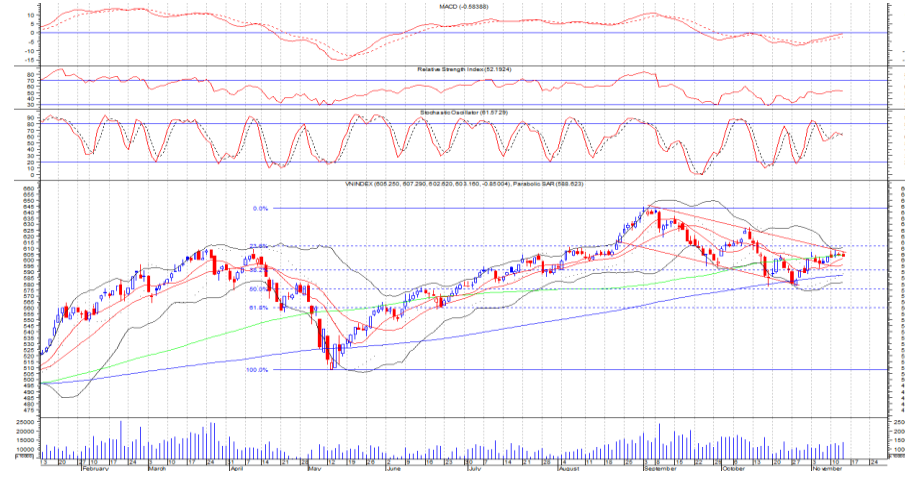
Đến cuối tháng 9/2014, một số ngân hàng vẫn bị ám ảnh bởi nỗi lo tín dụng tăng trưởng âm, như ABBank tăng trưởng tín dụng âm 1,4%, DongABank âm 0,54%. Không chỉ các ngân hàng nhỏ, mà ngay cả ngân hàng lớn, có bề dày và thế mạnh tài trợ vốn cho doanh nghiệp xuất, nhập khẩu như Eximbank cũng có tăng trưởng tín dụng thấp. Chuyên gia kinh tế Võ Trí Thành nhận xét, tín dụng không tăng được rõ ràng là mối lo của không chỉ các ngân hàng, mà của toàn nền kinh tế, song không vì thế mà ngân hàng nới lỏng quy định cho vay. "Bối lễ trong bối cảnh nợ xấu cao, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp vẫn yếu, chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra ở mức thấp như hiện nay, họ có thể tìm hướng đầu tư khác an toàn hơn để giải quyết ách tắc vốn, chẳng hạn trái phiếu chính phủ",

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (HOSE: Mã ITA) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2014. Theo đó, doanh thu thuần quý III/2014 đạt 115,5 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ quý trước ghi nhận lỗ 18,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế quý III/2014 đạt 42,33 tỷ đồng, tăng mạnh 3,5 lần so với cùng kỳ năm 2013. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần đạt 267,6 tỷ đồng, tăng gấp 11,5 lần so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 99,53 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần so với cùng kỳ. ITA đạt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014 ở mức 107,5 tỷ đồng. Như vậy, với lãi lũy kế 9 tháng đạt 99,53 tỷ đồng, ITA đã hoàn thành 92,6% kế hoạch năm 2014.

Theo báo cáo tài chính quý III năm 2014 vừa công bố của FLC, doanh thu thuần quý III đạt 505 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ, lãi gộp từ hoạt động kinh doanh chính là 40 tỷ đồng và lãi từ hoạt động tài chính là 115 tỷ đồng. FLC giải trình trong kỳ này, Công ty bắt đầu có doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, đồng thời tiến hành chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn nhằm mục đích thu hồi vốn để đầu tư cho các dự án đang triển khai làm cho lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng 311% so với kỳ trước.

HOSE 13/11/2014 VNINDEX 603.16 -0.85 -0.14% 157,537,646 CP 2,489.92 bil VND

Cổ phiếu đầu cơ tiếp tục thu hút dòng tiền, chỉ số 2 sàn đóng cửa trái chiều
 VN-Index giảm 0.85 điểm (-0.14%), đóng cửa tại mức 603.16 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, liên tục là những cây nến ngắn thể hiện sự giằng co của chỉ số này.
 - MACD tiếp tục gia tăng và sắp cắt đường zero - base, điều này cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn còn.
 - Stochastic Oscillator dừng đà tăng và cho tín hiệu bán ra.
 - RSI (14) duy trì ở mức 53.
 - VN-Index tiếp tục tích lũy tốt ở vùng MA100, và khối lượng tích lũy ở vùng điểm này đang gia tăng dần..



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.5 (-4.0%)	21,134,040
OGC	0.3 (3.3%)	11,462,720
ITA	-0.2 (-2.2%)	7,413,640
HAR	-0.5 (-3.8%)	5,368,410
KSA	-0.9 (-6.8%)	4,718,290

HOSE Top 5 theo % tăng

PXL	0.3 (7.0%)	1,288,490
GIL	1.8 (6.9%)	38,320
VRC	0.4 (6.9%)	313,560
STT	0.3 (6.8%)	2,830
TMS	3.5 (6.6%)	13,230

HOSE Top 5 theo % giảm

KSA	-0.9 (-6.8%)	4,718,290
DTT	-0.7 (-6.8%)	10
SII	-1.7 (-6.7%)	2,280
CCI	-0.9 (-6.6%)	10
DTA	-0.4 (-6.5%)	104,870

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	10,3 tỷ	579,550
DIG	6,5 tỷ	442,240
MWG	6,2 tỷ	61,390
FLC	6,1 tỷ	499,990
VIC	4,7 tỷ	96,180

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-23,0 tỷ	216,730
PVD	-19,5 tỷ	212,790
VHC	-5,6 tỷ	99,390
NBB	-2,7 tỷ	131,990
BVH	-2,7 tỷ	69,310

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-3,383,350	- 108.91

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co tiếp tục diễn ra, dù vậy nhiều mã đầu cơ vẫn thu hút được dòng tiền. Chính nhờ sự phân hóa của dòng tiền phần nào tạo nên sự hấp dẫn của TT.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 139 triệu. Thanh khoản tiếp tục gia tăng là một yếu tố khá tích cực trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại bán ròng khá mạnh với giá trị 108 tỷ. Khối này mua mạnh FLC, IJC trong khi bán nhiều ở KBC, HAG, HAR
- ▶ Nếu dòng tiền tiếp tục gia tăng tốt thì VN-Index có thể tiếp tục phục hồi, tuy nhiên sự rung lắc sẽ diễn ra mạnh khi VN-Index tiệm cận biên trên của kênh giá giảm.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái nắm giữ cổ phiếu, dòng tiền có dấu hiệu tách tốp và phân hóa. Việc lựa chọn mã trong giai đoạn này hết sức quan trọng.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	17.4	5.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.9	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.3	72,755.06	15.8	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,454.6	48.8	70,982.29	14.4	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	-1,502.2	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.2	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.2	37,107.87	9.1	1.1	12.3%	0.7%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	8.8	2.4	30.2%	14.7%
PVD	303.0	91.0	27,576.36	11.6	2.5	22.6%	10.8%
BVH	680.5	38.7	26,334.24	21.6	2.3	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

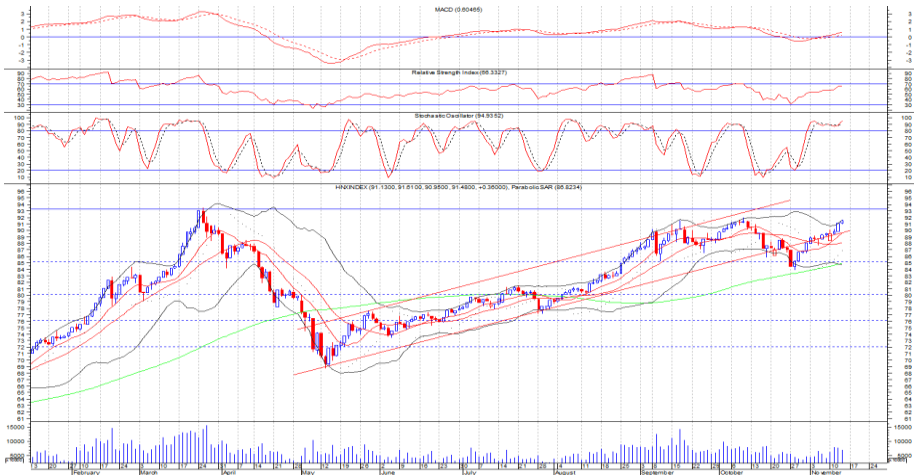
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.5	845.24	37.0	1.0	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.8	885.23	20.6	1.0	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.1	2,322.09	7.2	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.5	3,069.80	8.3	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.4	590.85	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 13/11/2014 HNX-Index 91.49 0.36 0.39% 76,926,769 CP 1,150.67 bil. VND

Cổ phiếu đầu cơ tiếp tục thu hút dòng tiền, chỉ số 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index tăng 0.36 điểm (+0.39%), đóng cửa tại mốc 91.49 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, HNX-Index tiếp tục hồi phục nhẹ và đang dần hướng tới vùng đỉnh cũ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang duy trì ở vùng quá mua.
- MACD gia tăng trở lại và cắt đường zero - base, đây là tín hiệu rất tích cực.
- RSI (14) tăng lên mức 66.
- MA10 cắt MA20 đây là dấu hiệu khá tích cực, nó cho thấy đà tăng HNX-Index đang khá tốt.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	Giá
KLF	-0.6 (-4.2%)	18,715,710
PVX	0.1 (1.5%)	5,866,780
SHS	0.1 (0.8%)	4,546,220
FIT	-0.1 (-0.3%)	4,136,530
HUT	-0.2 (-1.4%)	2,683,450

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
CT6	0.7 (10.0%)	100
VIX	6.2 (9.9%)	471,730
BXH	1 (9.9%)	600
PCT	0.7 (9.9%)	846,400
ITQ	1.4 (9.8%)	250,650

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
VPC	-0.3 (-10.0%)	66,600
VFR	-1.8 (-9.6%)	467,500
SIC	-0.7 (-9.6%)	300
ECI	-1.8 (-9.6%)	100
SKS	-1.1 (-9.3%)	600

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá
SHS	11,2	900,100
BVS	1,9	124,000
IVS	1,0	82,300
VND	1,0	70,000
PLC	0,9	27,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá
PVS	-3,9	94,200
HMH	-0,2	9,200
PVE	-0,2	10,000
HHC	-0,2	5,000
EFI	-0,1	17,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,207,900	14.48

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co tiếp tục diễn ra, dù vậy nhiều mã đầu cơ vẫn thu hút được dòng tiền. Chính nhờ sự phân hóa của dòng tiền phần nào tạo nên sự hấp dẫn của TT.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 70 triệu. Đây là mức thanh khoản trung bình, nhìn chung dòng tiền vẫn đang hướng nhiều tới các mã sàn HOSE hơn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 14 tỷ. Khối này mua mạnh SHS, trong khi bán nhiều ở PVS.
- ▶ Nếu dòng tiền tiếp tục gia tăng tốt thì HNX-Index có thể tiếp tục phục hồi, tuy nhiên sự rung lắc sẽ diễn ra mạnh khi đây là vùng kháng cự tương đối của chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái nắm giữ cổ phiếu, dòng tiền có dấu hiệu tách tốp và phân hóa. Việc lựa chọn mã trong giai đoạn này hết sức quan trọng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	41.6	18,582.74	11.1	2.1	19.6%	6.6%
ACB	909.8	16.0	14,556.49	26.9	1.2	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.1	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.7	6,051.44	10.3	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	82.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	13.2	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	20.3	2,660.84	8.5	0.8	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.6	2,640.00	2.1	3.5	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.5	1,425.00	8.9	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.1	637.56	6.1	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	14.1	2,185.48	11.4	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.0	1,800.00	10.9	2.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.0	338.62	8.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	15.22%	82.5	#####	4.28	207,658	251,655	232,278
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	12.53%	48.8	14.44	2.59	1,095,773	1,406,095	2,039,246
PVD	HOSE	303.0	27,576.36	11.71%	91.0	11.63	2.52	312,356	508,345	554,429
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	11.57%	57.5	8.77	2.41	432,480	562,325	794,010
HAG	HOSE	789.9	19,826.47	7.45%	25.1	10.62	1.37	3,836,735	3,666,928	3,984,950
KDC	HOSE	255.2	15,309.67	7.00%	60.0	25.29	2.32	1,143,346	883,048	847,891
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	5.69%	18.8	8.91	1.23	330,260	370,712	420,991
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	5.16%	27.3	15.82	1.42	310,306	266,150	498,050
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.04%	29.8	9.52	1.24	388,763	451,481	1,034,926
KBC	HOSE	389.8	6,859.78	2.83%	17.6	30.72	1.40	6,044,697	5,322,472	4,790,122
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	2.64%	9.0	71.30	0.84	5,313,413	5,125,737	7,884,334
HSG	HOSE	96.3	4,777.13	1.95%	49.6	15.05	2.17	230,079	310,434	355,355
BVH	HOSE	680.5	26,334.24	1.83%	38.7	21.61	2.26	195,280	217,878	247,358
HVG	HOSE	132.0	4,382.39	1.55%	33.2	15.03	1.82	1,690,985	1,624,541	1,852,589
FLC	HOSE	314.9	3,747.24	1.53%	11.9	9.61	0.89	12,907,018	11,681,726	15,319,382
PPC	HOSE	318.2	7,985.68	1.47%	25.1	11.10	1.50	342,427	334,008	607,260
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.41%	60.0	14.30	3.45	69,519	91,877	173,209
PVT	HOSE	255.9	4,707.78	1.37%	18.4	15.51	1.50	1,707,826	1,736,941	2,254,371
CSM	HOSE	67.3	3,081.97	1.32%	45.8	8.60	2.36	94,052	136,655	240,605
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.16%	14.6	14.26	1.12	490,857	541,379	673,503
OGC	HOSE	300.0	2,790.00	0.56%	9.3	33.22	0.85	5,444,990	6,469,409	4,963,671

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	8.53%	82.5	#####	4.28	207,658	251,655	232,278
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	7.57%	48.8	14.44	2.59	1,095,773	1,406,095	2,039,246
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	7.13%	27.3	15.82	1.42	310,306	266,150	498,050
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.62%	18.8	8.91	1.23	330,260	370,712	420,991
PVS	HNX	446.7	18,582.74	5.75%	41.6	11.14	2.12	1,492,975	2,207,653	3,653,972
BVH	HOSE	680.5	26,334.24	4.51%	38.7	21.61	2.26	195,280	217,878	247,358
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.25%	29.8	9.52	1.24	388,763	451,481	1,034,926
HAG	HOSE	789.9	19,826.47	4.04%	25.1	10.62	1.37	3,836,735	3,666,928	3,984,950
PVD	HOSE	303.0	27,576.36	3.90%	91.0	11.63	2.52	312,356	508,345	554,429
PPC	HOSE	318.2	7,985.68	3.14%	25.1	11.10	1.50	342,427	334,008	607,260
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	3.29%	9.0	71.30	0.84	5,313,413	5,125,737	7,884,334
FLC	HOSE	314.9	3,747.24	2.85%	11.9	9.61	0.89	12,907,018	11,681,726	15,319,382
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.54%	8.8	9.12	0.73	2,188,919	3,373,377	5,012,815
VCG	HNX	441.7	6,051.44	2.12%	13.7	10.34	1.06	1,196,377	1,204,979	1,477,122
PVT	HOSE	255.9	4,707.78	1.78%	18.4	15.51	1.50	1,707,826	1,736,941	2,254,371
OGC	HOSE	300.0	2,790.00	143.00%	9.3	33.22	0.85	5,444,990	6,469,409	4,963,671
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.00%	60.0	14.30	3.45	69,519	91,877	173,209
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.65%	13.6	22.33	1.31	678,978	706,125	1,536,999
PVX	HNX	400.0	2,640.00	0.00%	6.6	- 2.10	3.51	4,679,719	5,894,274	9,069,725

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	0.00%	48.8	14.44	2.59	1,095,773	1,406,095	2,039,246
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	#####	4.28	207,658	251,655	232,278
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.00%	29.8	9.52	1.24	388,763	451,481	1,034,926
HAG	HOSE	789.9	19,826.47	0.00%	25.1	10.62	1.37	3,836,735	3,666,928	3,984,950
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	0.00%	27.3	15.82	1.42	310,306	266,150	498,050
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	8.91	1.23	330,260	370,712	420,991
BVH	HOSE	680.5	26,334.24	0.00%	38.7	21.61	2.26	195,280	217,878	247,358
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.20	1.00	324,190	316,232	378,715
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	17.42	5.68	301,205	399,225	409,181

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	4.01%	82.5	#####	4.28	207,658	251,655	232,278
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	2.27%	48.8	14.44	2.59	1,095,773	1,406,095	2,039,246
PVD	HOSE	303.0	27,576.36	4.39%	91.0	11.63	2.52	312,356	508,345	554,429
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.89%	18.8	8.91	1.23	330,260	370,712	420,991
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	1.28%	27.3	15.82	1.42	310,306	266,150	498,050
BVH	HOSE	680.5	26,334.24	1.79%	38.7	21.61	2.26	195,280	217,878	247,358

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

13 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,125	6.8	0.9	13.0%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,372	9.1	1.5	15.9%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,151	30.6	1.0	3.4%	1.5%
Sản xuất giấy	941	6.9	1.1	14.1%	7.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,561	14.5	2.1	21.9%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,941	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,725	94.1	6.1	-3.9%	-3.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,449	14.2	1.5	13.6%	7.6%
Xây dựng	33,772	62.0	1.3	-2.4%	1.8%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,253	9.6	1.2	15.7%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,322	8.7	1.4	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,459	6.8	0.9	13.3%	6.5%
Thiết bị điện	2,095	38.0	1.0	2.7%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	48	15.7	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,704	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,933	3.5	1.2	5.2%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,378	9.1	1.6	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,690	9.1	1.6	19.0%	11.8%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,039	12.1	1.7	18.1%	8.6%
Đào tạo & Việc làm	276	11.0	0.9	8.3%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	199	9.1	0.9	12.0%	4.9%
Chất thải & Môi trường	192	2.9	0.9	33.7%	16.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,181	13.0	1.3	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,751	11.3	2.9	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,554	6.9	1.2	17.5%	9.3%
Vang & Rượu mạnh	331	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	227	6.3	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,195	13.1	2.1	19.2%	6.4%
Thực phẩm	196,273	24.6	4.7	19.0%	14.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	77	21.7	1.0	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,862	9.8	1.6	15.1%	7.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	574	36.3	1.5	4.2%	2.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,689	8.7	1.7	19.6%	7.6%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,160	10.9	2.1	18.3%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	708	8.2	1.1	1.1%	4.2%

13 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,025	18.8	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	207	8.8	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,928	11.5	2.9	22.6%	14.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	300	47.7	1.0	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	750	10.4	1.2	13.7%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,018	10.4	1.7	18.5%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,123	10.4	1.0	9.2%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,621	72.3	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	4,094	25.1	1.4	11.3%	9.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,740	18.6	3.5	23.5%	20.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	833	12.4	1.0	9.0%	3.3%
Internet	355	74.9	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,666	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	478	15.1	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	289	5.5	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,220	34.2	6.9	34.0%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,531	9.9	1.5	16.0%	7.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	207,706	17.0	5.5	32.5%	22.0%
Nước	1,243	6.6	1.1	16.9%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,397	8.0	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,945	12.0	0.7	6.6%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,674	8.5	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,402	21.6	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,933	35.4	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	30,180	13.4	1.8	10.8%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	238,836	11.3	1.2	10.5%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	186,938	17.1	3.3	22.7%	5.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	49,742	11.3	2.4	21.7%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.